

**MỘT SỐ ĐỀ
KIỂM TRA HỌC KỲ I
MÔN HÓA HỌC
(GDTX)**

**ĐỀ
CHÍNH THỨC**

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Năm học 2007 - 2008

Lớp: 12

Môn: HÓA HỌC (Buổi tối)

Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề thi có 40 câu)

Câu 1: Rượu nào dưới đây thuộc dãy đồng đẳng có công thức chung $C_nH_{2n}O$?

A/ CH_3CH_2OH

B/ $C_6H_5CH_2OH$

C/ CH_2OH-CH_2OH

D/ $CH_2=CH-CH_2OH$

Câu 2: C_7H_8O có bao nhiêu đồng phân thơm vừa tác dụng được với Na vừa tác dụng được với NaOH ?

A/ 4

B/ 2

C/ 1

D/ 3

Câu 3: Phát biểu nào sau đây không đúng?

A/ Bậc của amin là bậc của nguyên tử cacbon liên kết với nhóm amin.

B/ Tùy thuộc cấu trúc của gốc hidrocarbon, có thể phân các amin thành 3 loại: no, chưa no và thơm.

C/ Amin được cấu tạo thành bằng cách thay thế H của phân tử amoniac bằng gốc hidrocarbon.

D/ Amin có từ hai nguyên tử cacbon trong phân tử bắt đầu xuất hiện hiện tượng đồng phân.

Câu 4: Cho 11 gam hỗn hợp hai rượu no đơn chức, kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng tác dụng hết với Na dư thu được 3,36 lít H_2 (đktc). Hai rượu đó là:

A/ C_4H_9OH và $C_5H_{11}OH$

B/ CH_3OH và C_2H_5OH

C/ C_2H_5OH và C_3H_7OH

D/ C_3H_7OH và C_4H_9OH

Câu 5: A là amin chứa 15,05% khối lượng là nitơ. A là:

A/ $C_2H_5NH_2$

B/ $(CH_3)_3N$

C/ $(CH_3)_2NH$

D/ $C_6H_5NH_2$

Câu 6: Đốt cháy một đồng đẳng của metylamin, người ta thấy tỉ lệ thể tích các khí và hơi của các sản phẩm sinh ra $V(CO_2) : V(H_2O) = 2 : 3$. Công thức phân tử của amin trên là:

A/ C_2H_7N

B/ C_3H_9N

C/ CH_5N

D/ $C_4H_{11}N$

Câu 7: Trong công nghiệp, adehit fomic được điều chế trực tiếp từ:

A/ axit fomic

B/ rượu metylic

C/ metyl axetat

D/ rượu etylic

Câu 8: Trong các nhóm chức sau, nhóm chức nào là của axit cacboxylic?

A/ $R-COO-$

B/ $-CO-$

C/ $-COOH$

D/ $-COO-R$

Câu 9: Axit fomic có thể tác dụng với tất cả các chất trong dãy nào sau đây?

A/ Mg, dung dịch NH_3 , dung dịch NaCl.

B/ Mg, Ag, CH_3OH/H_2SO_4 đặc, nóng

C/ Mg, Cu, dung dịch NH_3 , $NaHCO_3$.

D/ Mg, dung dịch NH_3 , $NaHCO_3$.

Câu 10: Phản ứng của rượu với axit có tên gọi là:

A/ phản ứng ete hóa

B/ phản ứng trung hòa

C/ phản ứng este hóa

D/ phản ứng trùng hợp

Câu 11: Cho 1,74 gam một anđehit no, đơn chức phản ứng hoàn toàn với $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ sinh ra 6,48 gam bạc kim loại. Công thức cấu tạo của anđehit là ở đáp án nào sau đây?

5,832g
(90%) A/ $\text{CH}_3\text{-CH=O}$

B/ $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{-CH=O}$

C/ $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{-CH=O}$

D/ $(\text{CH}_3)_2\text{CH-CH=O}$

Câu 12: Trung hòa 8,3 gam hỗn hợp axit axetic và axit fomic bằng dung dịch natri hydroxit thu được 11,6 gam hỗn hợp hai muối. Thành phần % khối lượng mỗi axit tương ứng là ở đáp án nào sau đây?

A/ 66,67% và 33,33%

B/ 27,71% và 72,29%

C/ 72,29% và 27,71%

D/ 33,33% và 66,67%

Câu 13: Tính khối lượng axit axetic chứa trong giấm ăn thu được khi lên men 10 lít rượu 8⁰ thành giấm ăn, biết khối lượng riêng của rượu etylic là 0,8g/ml và phản ứng lên men giấm đạt hiệu suất 80%?

A/ 677,83 gam

B/ 834,78%

C/ 843,78 gam

D/ 667,83 gam

Câu 14: Đun một lượng dư axit axetic với 6,9gam rượu etylic (có axit H_2SO_4 đặc làm xúc tác). Đến khi phản ứng dừng lại thu được 5,5 gam este. Hiệu suất của phản ứng este hóa là bao nhiêu?

A/ 60,00 %

B/ 62,50 %

C/ 75,00 %

D/ 41,67 %

Câu 15: Công thức phân tử của glixerin là:

A/ $\text{C}_3\text{H}_8\text{O}$

B/ $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}$

C/ $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$

D/ $\text{C}_3\text{H}_8\text{O}_3$

Câu 16: Đốt cháy hoàn toàn 1 mol rượu no A, cần 2,5 mol O_2 . A có công thức cấu tạo thu gọn là:

A/ $\text{C}_3\text{H}_6(\text{OH})_2$

B/ $\text{C}_3\text{H}_5(\text{OH})_3$

C/ $\text{C}_2\text{H}_4(\text{OH})_2$

D/ $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$

Câu 17: Đồng phân của glucozơ là chất nào sau đây?

A/ Xenlulozơ

B/ Mantozơ

C/ Saccarozơ

D/ Fructozơ

Câu 18: Chất nào sau đây có phản ứng tráng gương?

A/ Xenlulozơ

B/ Tinh bột

C/ Saccarozơ

D/ Glucozơ

Câu 19: Glucozơ lên men thành rượu etylic, toàn bộ khí sinh ra được dẫn vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dư tách ra 40 gam kết tủa, biết hiệu suất lên men đạt 75%. Khối lượng glucozơ cần dùng bằng bao nhiêu gam?

A/ 24

B/ 40

C/ 48

D/ 50

Câu 20: Tính khối lượng kết tủa Ag hình thành khi tiến hành tráng gương hoàn toàn dung dịch chứa 18 gam glucozơ

A/ 2,16 gam

B/ 10,80 gam

C/ 21,60 gam

D/ 5,40 gam

Câu 21: $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$ có bao nhiêu đồng phân ?

A/ 5

B/ 3

C/ 2

D/ 4

Câu 22: Công thức tổng quát của các amino axit là công thức nào sau đây?

A/ $\text{R}(\text{NH}_2)_x(\text{COOH})_y$

B/ $\text{R}(\text{NH}_2)(\text{COOH})$

C/ $\text{H}_2\text{N-C}_x\text{H}_y\text{-COOH}$

D/ $(\text{NH}_2)_x(\text{COOH})_y$

Câu 23: Thủy tinh hữu cơ là polime được điều chế trực tiếp từ:

- A/ Etilen B/ Vinyl clorua C/ Phenol D/ Metyl metacrylat

Câu 24: Số đồng phân ứng với công thức phân tử $C_2H_4O_2$ tác dụng được với Na lẫn dung dịch NaOH là bao nhiêu?

- A/ 1 B/ 3 C/ 2 D/ 4

Câu 25: Tìm câu sai:

- A/ Trùng hợp 2-metylbutadien-1,3 được cao su Buna
B/ Cao su isopren có thành phần giống cao su thiên nhiên
C/ Trùng hợp isopren được cao su isopren
D/ Nhựa phenolfomandehit được điều chế bằng cách đun nóng phenol với fomandehit lấy dư, xúc tác bằng bazơ.

Câu 26: Tơ nylon-6,6 là sản phẩm của phản ứng trùng ngưng giữa cặp chất nào sau đây?

- A/ $HOOC-(CH_2)_4-COOH$ và $H_2N-(CH_2)_6-NH_2$
B/ $HOOC-(CH_2)_6-COOH$ và $H_2N-(CH_2)_6-NH_2$
C/ $HOOC-(CH_2)_4-NH_2$ và $H_2N-(CH_2)_6-COOH$
D/ $HOOC-(CH_2)_4-COOH$ và $H_2N-(CH_2)_4-NH_2$

Câu 27: Tính axit của các chất giảm dần theo thứ tự nào?

- A/ $CH_3COOH > C_6H_5OH > C_2H_5OH > H_2SO_4$
B/ $H_2SO_4 > C_6H_5OH > CH_3COOH > C_2H_5OH$
C/ $C_2H_5OH > C_6H_5OH > CH_3COOH > H_2SO_4$
D/ $H_2SO_4 > CH_3COOH > C_6H_5OH > C_2H_5OH$

Câu 28: Một este A có công thức phân tử là $C_3H_6O_2$, có phản ứng tráng gương với dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 . A là:

- A/ Axyl etylat B/ Etyl fomiat C/ Metyl axetat D/ Axetyl etylat

Câu 29: Hợp chất X có công thức C_3H_6O tác dụng được với nước brom và natri. X là:

- A/ $CH_2=CH-O-CH_3$ B/ $CH_3-CO-CH_3$
C/ $CH_2=CH-CH_2OH$ D/ $CH_3CH_2CH=O$

Câu 30: Điểm giống nhau giữa glucozơ và saccarozơ là:

- A/ Điều tham gia phản ứng tráng gương
B/ Điều hòa tan $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường cho dung dịch màu xanh
C/ Điều không chứa nhóm -OH
D/ Điều chứa nhóm -CHO

Câu 31: Trong công nghiệp, glixerin được sản xuất theo sơ đồ nào dưới đây?

- A/ propen → anlyl clorua → 1,3-diclopropanol-2 → glixerin
B/ butan → axit butylic → glixerin
C/ propan → propanol → lixerin
D/ metan → etan → propan → glixerin

Câu 32: Amin nào dưới đây có bốn đồng phân cấu tạo?

- A/ $C_4H_{11}N$ B/ C_2H_7N C/ C_3H_9N D/ $C_5H_{13}N$

Câu 33: Phương pháp điều chế etanol nào sau đây chỉ dùng trong phòng thí nghiệm ?

- A/ Cho etilen tác dụng với dung dịch H_2SO_4 loãng, nóng
B/ Lên men glucozơ
C/ Thủy phân dẫn xuất halogen trong môi trường kiềm
D/ Cho hỗn hợp khí etilen và hơi nước đi qua tháp chứa H_3PO_4

Câu 34: Rượu etylic có thể điều chế trực tiếp từ chất nào?

A/ Dung dịch saccarozơ

B/ Etilenglicol

C/ Etanal

D/ Metan

Câu 35: Đồng phân nào của C_4H_9OH khi tách nước sẽ cho 2 olefin đồng phân ?

A/ Butanol -2

B/ 2-Metylpropanol -2

C/ Butanol -1

D/ 2-Metylpropanol -1

Câu 36: Có 4 hợp chất: phenol, benzen, axit axetic, rượu etylic. Thứ tự các chất hóa học dùng làm thuốc thử để phân biệt 4 chất đó là:

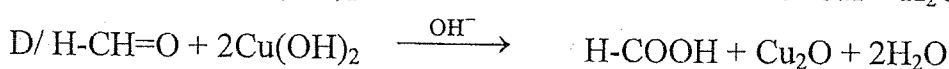
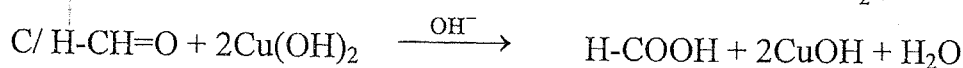
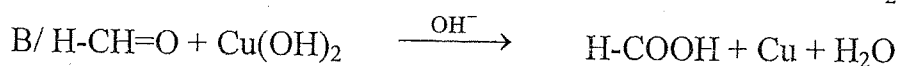
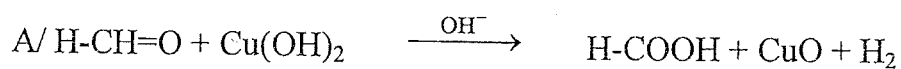
A/ Dùng Na nhận ra rượu, dùng quỳ tím nhận ra axit, dùng nước brom nhận ra phenol, còn lại là benzen.

B/ Dùng nước brom nhận ra phenol, dùng quỳ tím nhận ra axit, dùng Na nhận ra rượu, còn lại là benzen.

C/ Dùng HNO_3 (H_2SO_4 đặc) đun nóng nhận ra benzen, dùng brom nhận ra phenol, dùng quỳ tím nhận ra axit, còn lại là rượu.

D/ Dùng dung dịch NaOH nhận ra axit, dùng nước brom nhận ra phenol, dùng Na nhận ra rượu, còn lại là benzen.

Câu 37: Nhỏ dung dịch andehit fomic vào ống nghiệm chứa kết tủa $Cu(OH)_2$, đun nóng nhẹ sẽ thấy kết tủa đỏ gạch. Phương trình hóa học nào sau đây biểu diễn đúng hiện tượng xảy ra?



Câu 38: Để phân biệt hai dung dịch axit axetic và axit acrylic, ta dùng chất nào trong các chất sau ?

A/ quỳ tím

B/ nước brom

C/ natri hiđrocarbonat

D/ natri hiđroxit

Câu 39: Phản ứng este hóa giữa rượu etylic và axit axetic tạo thành sản phẩm có tên gọi là gì?

A/ Axyl etylat

B/ Metyl axetat

C/ Etyl axetat

D/ Axetyl etylat

Câu 40: Để phân biệt rượu etylic và glixerin, có thể dùng phản ứng nào?

A/ este hóa bằng axit tạo este

B/ hòa tan $Cu(OH)_2$ tạo dung dịch màu xanh lam

C/ tráng gương tạo kết tủa

D/ khử CuO khi đun nóng tạo đồng kim loại màu đỏ

Cho: $C = 12$; $O = 16$; $H = 1$; $Na = 23$; $N = 14$; $Ag = 108$; $Cl = 35,5$; $Ca = 40$

- Hết -

Họ và tên học viên:

Số báo danh: Phòng thi:

Chữ kí học viên:

**ĐỀ
CHÍNH THỨC**

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Năm học 2008 - 2009

Lớp: 12

Môn: HÓA HỌC (Buổi sáng)

Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề thi có 40 câu)

Câu 1: Đồng phân của glucozơ là chất nào sau đây?

A/ saccarozơ

B/ xenlulozơ

C/ mantozơ

D/ fructozơ

Câu 2 : Cho 3 hóa chất sau: etylamin, phenylamin, amoniac. Thứ tự giảm dần lực bazơ các chất được xếp như sau:

A/ amoniac > phenylamin > etylamin

B/ phenylamin > amoniac > etylamin

C/ etylamin > phenylamin > amoniac

D/ etylamin > amoniac > phenylamin

Câu 3: Một este X có công thức phân tử là $C_3H_6O_2$, có phản ứng tráng gương với dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 . X là:

A/ Etyl fomat

B/ Etyl axetat

C/ Metyl axetat

D/ Metyl fomat

Câu 4: Este là hợp chất tạo thành khi thay nhóm OH ở nhóm cacboxyl của axit cacboxylic bằng:

A/ Gốc hidrocarbon

B/ ancol

C/ nhóm OR

D/ nhóm ancol

Câu 5: Thủy phân este X có công thức phân tử $C_3H_6O_2$ trong dung dịch NaOH, thu được hỗn hợp 2 chất hữu cơ là Y (có tỉ khối hơi so với H_2 là 23) và Z. Z là:

A/ Etyl fomat

B/ Natri axetat

C/ Natri fomat

D/ Metyl axetat

Câu 6: Lên men glucozơ trong dung dịch, thu được ancol etylic và

A/ khí metan

B/ khí axetilen

C/ khí hidro

D/ khí cacbonic

Câu 7: Ngâm một đinh sắt trong 100 ml dung dịch $CuSO_4$. Sau khi phản ứng kết thúc, lấy đinh sắt ra khỏi dung dịch, rửa nhẹ, làm khô thấy khối lượng đinh sắt tăng thêm 0,8 gam.

Nồng độ ban đầu của dung dịch $CuSO_4$ là:

A/ 2M

B/ 0,5M

C/ 1,5M

D/ 1M

Câu 8: $C_4H_8O_2$ có bao nhiêu đồng phân este?

A/ 4

B/ 3

C/ 5

D/ 6

Câu 9: Phản ứng thủy phân este trong dung dịch kiềm được gọi là phản ứng

A/ lên men

B/ hydrat hóa

C/ xà phòng hóa

D/ crackinh

Câu 10: Ứng với công thức phân tử $C_4H_9NO_2$ có bao nhiêu amino axit là đồng phân cấu tạo của nhau?

A/ 5

B/ 6

C/ 3

D/ 4

Câu 11: Ký hiệu của H_2N-CH_2-COOH là:

A/ Gly

B/ Val

C/ Ala

D/ Glu

Câu 12: Sự kết tủa protein bằng nhiệt được gọi là:

A/ sự ngưng tụ

B/ sự phân hủy

C/ sự trùng ngưng

D/ sự đông tụ

Câu 13: Dãy kim loại nào sau đây đã được xếp theo chiều tăng dần của tính khử?

A/ Fe, Al, Mg, K

B/ K, Mg, Al, Fe

C/ Fe, Al, K, Mg

D/ Mg, K, Al, Fe

Câu 14 : Để chuyển hóa một số dầu thành mỡ rắn, người ta thực hiện quá trình nào sau đây?

A/ hidro hóa (có xúc tác Ni)

B/ cô cạn ở nhiệt độ cao

C/ xà phòng hóa

D/ làm lạnh

Câu 15: Làm bay hơi 7,4 gam một este X đơn chức thu được một thể tích hơi bằng thể tích của 2, 8 gam khí nitơ ở cùng điều kiện nhiệt độ, áp suất. Công thức phân tử của X là:

A/ C_4H_8O

B/ $C_3H_6O_2$

C/ $C_4H_8O_2$

D/ $C_2H_4O_2$

Câu 16: Cho một ít bột đồng vào dung dịch chứa một trong các chất: $FeCl_2$, HCl , $FeCl_3$, H_2SO_4 (đặc), $AgNO_3$; số trường hợp có phản ứng xảy ra là:

A/ 4

B/ 3

C/ 2

D/ 1

Câu 17: Cho một ít bột sắt vào dung dịch chứa một trong các chất: $FeCl_3$, HCl , HNO_3 (loãng, dư), H_2SO_4 (đặc, nóng dư), $AlCl_3$; số trường hợp phản ứng tạo muối $Fe(II)$ là:

A/ 4

B/ 2

C/ 3

D/ 5

Câu 18: Các tính chất vật lý chung của kim loại được gây nên chủ yếu bởi:

A/ các electron tự do

B/ khối lượng riêng của kim loại

C/ cấu tạo mạng tinh thể của kim loại

D/ tính chất của kim loại

Câu 19: Chất béo là trieste của axit béo với:

A/ phenol

B/ triaxyl glixerol

C/ triglixerit

D/ glixerol

Câu 20: Chất X có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ tác dụng dung dịch NaOH, tạo thành $C_2H_3O_2Na$. X là:

A/ C_3H_7COOH

B/ $CH_3COOC_2H_5$

C/ $C_2H_5COOCH_3$

D/ $HCOOC_3H_7$

Câu 21: Cation R^+ có cấu hình electron phân lớp ngoài cùng là $3p^6$. R là:

A/ F

B/ Na

C/ K

D/ Cl

Câu 22: Kim loại có những tính chất vật lý chung nào sau đây?

A/ Tính dẻo, tính dẫn điện và nhiệt, có ánh kim

B/ Tính dẫn điện và nhiệt, có ánh kim, rất cứng

C/ Tính dẫn điện và nhiệt, có khối lượng riêng lớn, có ánh kim

D/ Tính dẻo, tính dẫn điện, nhiệt độ nóng chảy cao

Câu 23: Monome nào sau đây có sản phẩm trùng hợp có tên gọi là polietilen (P.E) :

A/ $CH_2=CH_2$

B/ $(-CH_2-CH_2-)_n$

C/ $(-CH_2-CH(CH_3)-)_n$

D/ $CH_2=CH-CH_3$

Câu 24: Công thức phân tử C_3H_9N ứng với bao nhiêu đồng phân ?

A/ 2

B/ 3

C/ 5

D/ 4

Câu 25: Khi đun nóng dung dịch saccarozơ có axit vô cơ làm xúc tác, saccarozơ bị thủy phân thành glucozơ và

A/ fructozơ

B/ polisaccarit

C/ xenlulozơ

D/ tinh bột

Câu 26: Nội dung nào sau đây không phải là của anilin?

A/ có tính bazơ

B/ còn có tên gọi là benzenamin

C/ dung dịch làm xanh giấy quỳ tím

D/ tác dụng được với nước brom

Câu 27: Tên thay thế của dietylamín là:

A/ N – etyletanamin

B/ N, N – etylamin

C/ N – dietylamín

D/ N, N – dietylamín

Câu 28: Trong số các kim loại: K, Rb, Fe, Cr; cứng nhất là:

A/ Fe

B/ Rb

C/ K

D/ Cr

Câu 29: Đốt cháy hoàn toàn 2,2 gam este đơn chức X, thu 2,24 lít CO_2 (đktc) và 1,8 gam H_2O . X là:

A/ $C_2H_4O_2$

B/ $C_4H_8O_2$

C/ $C_4H_6O_2$

D/ $C_3H_6O_2$

Câu 30: Dung dịch chất nào sau đây không tác dụng với $Cu(OH)_2$:

A/ glucozơ

B/ etanol

C/ glixerol

D/ saccarozơ

Câu 31: Cho 8,3 gam hỗn hợp bột Al và Fe (tỉ lệ số mol 1:1) vào 300 ml dung dịch $AgNO_3$ 1M, khuấy kỹ cho phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là:

A/ 64,80 gam

B/ 32,40 gam

C/ 54,00 gam

D/ 38,00 gam

Câu 32: Tính chất nào sau đây không phải của tinh bột?

- A/ Ở dạng bột vô định hình B/ Tan trong nước lạnh
C/ Màu trắng D/ Chất rắn

Câu 33: Polime nào sau đây được tổng hợp bằng phương pháp trùng ngưng?

- A/ Cao su Buna B/ Poli (vinyl clorua)
C/ Poli (metyl metacrylat) D/ Nilon - 6,6

Câu 34: PVC là polime được trùng hợp từ:

- A/ $\text{CH}_2=\text{CHC}_6\text{H}_5$ B/ $\text{CH}_2=\text{CHCl}$
C/ $\text{CH}_2=\text{CHCH}_3$ D/ $\text{CH}_2=\text{CH}_2$

Câu 35: Tên gọi của $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ là:

- A/ Phenylamoni B/ Alanin
C/ Benzylamin D/ Benzenamin

Câu 36: Cho 3 hóa chất sau: $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOH}$, $\text{H}_3\text{C}-\text{CH}_2-\text{COOH}$, $\text{H}_3\text{C}-\text{CH}_2-\text{NH}_2$. Để nhận ra dung dịch của các chất trên, chỉ cần dùng thuốc thử nào sau đây?

- A/ HCl B/ NaOH C/ Quỳ tím D/ $\text{CH}_3\text{OH}/\text{HCl}$

Câu 37: Đốt cháy 8,1 gam một cacbohidrat X, thu 6,72 lit CO_2 (đktc) và 4,5 gam nước. X có công thức đơn giản nhất là:

- A/ $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$ B/ $(\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5)_n$ C/ $\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5$ D/ $\text{C}_6\text{H}_{22}\text{O}_{11}$

Câu 38: Isoamyl axetat là este

- A/ có mùi hoa hồng B/ có mùi dứa
C/ không mùi D/ có mùi chuối chín

Câu 39: Tinh thể kim loại Natri có cấu trúc mạng nào sau đây?

- A/ Liên kết polime B/ Tinh thể lục phương
C/ Tinh thể lập phương tâm diện. D/ Tinh thể lập phương tâm khối.

Câu 40: Este A có tỉ khối hơi so với H_2 là 44,5; được điều chế từ amino axit B và ancol metylic. A là:

- A/ $\text{H}_2\text{NCOOCH}_2\text{CH}_3$ B/ $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CH}_2\text{COOCH}_3$
C/ $\text{CH}_3\text{COOCH}_2\text{NH}_2$ D/ $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2\text{COOCH}_3$

Cho: $\text{C} = 12$; $\text{O} = 16$; $\text{H} = 1$; $\text{N} = 14$; $\text{S} = 32$; $\text{Fe} = 56$; $\text{Ag} = 108$; $\text{Cu} = 64$; $\text{Al} = 27$

- Hết -

Họ và tên học viên:
Số báo danh: Phòng thi:
Chữ kí học viên:

**ĐỀ
CHÍNH THỨC**

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Ngày 16 – 12 – 2009

Lớp: 12 – Bổ túc văn hóa

Môn: HÓA HỌC (Buổi sáng)

Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm, mỗi câu 0,25 điểm)

Câu 1: Dãy các kim loại nào sau đây được xếp theo chiều giảm dần độ cứng?

- A/ Na, Fe, Cr
- B/ Fe, Na, Cr
- C/ Cr, Fe, Na
- D/ Fe, Cr, Na

Câu 2: PVC được tổng hợp từ monome nào sau đây?

- A/ $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{C}_6\text{H}_5$
- B/ $\text{CH}_2=\text{CHCl}$
- C/ $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_3$
- D/ $\text{CH}_2=\text{CH}_2$

Câu 3: Để xà phòng hóa 18 gam một este no đơn chức A, cần dùng 300 ml dung dịch NaOH 1M. Công thức phân tử của este A là:

- A/ $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$
- B/ $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$
- C/ $\text{C}_5\text{H}_{10}\text{O}_2$
- D/ $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$

Câu 4: Nội dung nào sau đây là của anilin?

- A/ Làm quỳ tím hóa xanh
- B/ Không tác dụng được với nước brom
- C/ Không làm đổi màu quỳ tím
- D/ Làm quỳ tím hóa hồng

Câu 5: PE là polime được trùng hợp từ:

- A/ $\text{CH}_2=\text{CHCH}_3$
- B/ $\text{CH}_2=\text{CHCl}$
- C/ $\text{CH}_2=\text{CHC}_6\text{H}_5$
- D/ $\text{CH}_2=\text{CH}_2$

Câu 6: Nội dung nào sau đây không phải là của amino axit?

- A/ Không tan trong nước ở điều kiện thường
- B/ Tác dụng được với axit
- C/ Tác dụng được với bazơ
- D/ Lưỡng tính

Câu 7: Dung dịch chất nào sau đây không tác dụng $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tạo dung dịch xanh lam?

- A/ Xenlulozơ
- B/ Glucozơ
- C/ Saccarozơ
- D/ Fructozơ

Câu 8: Phản ứng thủy phân este trong dung dịch kiềm được gọi là phản ứng

- A/ hidrat hóa
- B/ este hóa
- C/ xà phòng hóa
- D/ tráng gương

Câu 22: Dung dịch chất nào sau đây không làm quỳ tím đổi màu:

- A/ Alanin
- B/ Etylamin
- C/ Lysin
- D/ Axit glutamic

Câu 23: Cho một ít bột Cu vào dung dịch chứa một trong các chất: FeCl_2 , HCl , FeCl_3 , H_2SO_4 (đặc), AgNO_3 ; số trường hợp có phản ứng xảy ra là:

- A/ 3
- B/ 1
- C/ 2
- D/ 4

Câu 24: Dãy các ion kim loại nào sau đây được xếp theo chiều tăng dần tính oxi hóa?

- A/ K^+ , Fe^{2+} , Fe^{3+} , Cu^{2+}
- B/ Fe^{3+} , Cu^{2+} , Fe^{2+} , K^+
- C/ K^+ , Fe^{2+} , Cu^{2+} , Fe^{3+}
- D/ Cu^{2+} , Fe^{3+} , Fe^{2+} , K^+

Câu 25: $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ có tên gọi là:

- A/ Benzenamin
- B/ Benzylamin
- C/ Phenylamoni
- D/ Analin

Câu 26: Hòa tan hoàn toàn 19,2 gam kim loại M hóa trị II trong dung dịch HNO_3 loãng, thu được 4,48 lít khí NO (đktc). Kim loại M là:

- A/ Fe
- B/ Cu
- C/ Zn
- D/ Mg

Câu 27: Cho 13,2 gam este no đơn X tác dụng hết với 150 ml dung dịch NaOH 1M, thu 12,3 gam muối. X là:

- A/ HCOOC_2H_5
- B/ $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$
- C/ $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$
- D/ HCOOCH_3

Câu 28: Cho glucosơ lên men thành ancol etylic; dẫn khí cacbonic sinh ra vào nước vôi trong dư, thu 20 gam kết tủa. Khối lượng ancol thu được là:

- A/ 6,4 gam
- B/ 4,6 gam
- C/ 9,2 gam
- D/ 2,9 gam

Câu 29: Cho bột Fe lần lượt vào các dung dịch FeCl_3 , HCl , H_2SO_4 loãng, HNO_3 loãng (lấy dư); số trường hợp tạo thành muối Fe(II) là:

- A/ 3
- B/ 1
- C/ 2
- D/ 4

Câu 30: Cation Ca^{2+} có số electron là 18. Số electron có trong nguyên tử Ca là:

- A/ 20
- B/ 36
- C/ 18
- D/ 16

Câu 31: Định nghĩa nào sau đây không đúng về chất béo?

- A/ Triaxylglixerol
- B/ Trieste của glixerol với axit không no
- C/ Triglixerit
- D/ Trieste của glixerol với axit đơn chức có mạch cacbon dài, không phân nhánh

Câu 32: Quá trình kết hợp nhiều phân tử nhỏ (monome) thành phân tử lớn (polime) đồng thời giải phóng những phân tử nhỏ khác được gọi là phản ứng:

- A/ Nhiệt phân
- B/ Trùng ngưng
- C/ Trao đổi
- D/ Trùng hợp

Câu 33: Có bao nhiêu đồng phân amin bậc một ứng với công thức phân tử $C_4H_{11}N$?

- A/ 4
- B/ 5
- C/ 2
- D/ 3

Câu 34: Số đồng phân este mạch hở ứng với công thức phân tử $C_4H_6O_2$ là:

- A/ 3
- B/ 6
- C/ 4
- D/ 5

Câu 35: Chất nào sau đây có tính bazơ yếu nhất:

- A/ Amoniac
- B/ Etylamin
- C/ Metylamin
- D/ Anilin

Câu 36: Dung dịch chất nào sau đây tác dụng được với $Cu(OH)_2$?

- A/ Saccarozơ
- B/ Tinh bột
- C/ Ancol etylic
- D/ Xenlulozơ

Câu 37: Dãy kim loại nào sau đây được xếp theo chiều tăng dần của tính khử?

- A/ Mg, Na, Al, Fe
- B/ Fe, Al, Na, Mg
- C/ Na, Mg, Al, Fe
- D/ Fe, Al, Mg, Na

Câu 38: Ngâm một lá kim loại M có khối lượng 50 gam trong dung dịch HCl, sau phản ứng thu được 672 ml khí H_2 (đktc) và khối lượng lá kim loại giảm 3,36%. Kim loại M là:

- A/ Mg
- B/ Ca
- C/ Al
- D/ Fe

Câu 39: Cặp chất nào sau đây là đồng phân của nhau:

- A/ xenlulozơ và fructozơ
- B/ xenlulozơ và saccarozơ
- C/ glucozơ và fructozơ
- D/ glucozơ và tinh bột

Câu 40: Cho anilin vào nước, lắc đều rồi lần lượt thêm dung dịch HCl, rồi dung dịch NaOH, để yên một lúc, hiện tượng quan sát được là:

- A/ Dung dịch ban đầu trong suốt, sau đó phân lớp
- B/ Dung dịch ban đầu trong suốt, sau đó hóa đục
- C/ Dung dịch ban đầu trong suốt, rồi hóa đục, sau đó phân lớp
- D/ Dung dịch bị đục, rồi trong suốt, sau đó phân lớp

Cho: $C = 12$; $O = 16$; $H = 1$; $N = 14$; $Ca = 40$; $Fe = 56$;
 $Mg = 24$; $Al = 27$; $Cu = 64$; $Zn = 65$

- Hết -

Họ và tên học viên:

Số báo danh: Phòng kiểm tra:

Chữ ký học viên:

**ĐỀ
CHÍNH THỨC**

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Ngày 20 – 12 – 2010

Lớp: 12 – Bổ túc văn hóa

Môn: HÓA HỌC (Buổi sáng)

Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm, mỗi câu 0,25 điểm)

Câu 1: Hòa tan hoàn toàn 7,2 gam kim loại M hóa trị II trong dung dịch HNO_3 loãng, thu được 4,48 lít khí NO (đktc). Kim loại M là:

A/ Zn

B/ Mg

C/ Mg

D/ Cu

Câu 2: Monome nào sau đây có sản phẩm trùng hợp có tên gọi là poli (vinyl clorua)?

A/ $(-\text{CH}_2-\text{CHCl}-)_n$

B/ $(-\text{CH}_2-\text{CHCH}_3-)_n$

C/ $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{Cl}$

D/ $\text{CH}_2=\text{CHCH}_3$

Câu 3: Cho 5,4 gam kim loại M tan hết trong dung dịch HCl, thu 6,72 lít khí (đktc). Kim loại M là:

A/ Mg

B/ Zn

C/ Fe

D/ Al

Câu 4: Dãy các ion kim loại nào sau đây đã được xếp theo chiều tăng dần của tính oxi hóa?

A/ Fe^{3+} , Cu^{2+} , Zn^{2+} , Na^+

B/ Cu^{2+} , Fe^{3+} , Zn^{2+} , Na^+

C/ Na^+ , Zn^{2+} , Fe^{3+} , Cu^{2+}

D/ Na^+ , Zn^{2+} , Cu^{2+} , Fe^{3+}

Câu 5: Dãy kim loại nào sau đây đã được xếp theo chiều tăng dần của tính khử?

A/ Mg, K, Al, Fe

B/ Fe, Al, Mg, K

C/ Fe, Al, K, Mg

D/ K, Mg, Al, Fe

Câu 6: Dãy các kim loại nào sau đây được xếp theo chiều tăng dần khối lượng riêng?

A/ Li, Na, Os

B/ Os, Li, Na

C/ Os, Na, Li

D/ Li, Os, Na

Câu 7: Chất nào sau đây thuộc polisaccarit?

A/ Glucozơ

B/ Xenlulozơ

C/ Fructozơ

D/ Saccarozơ

Câu 8: Một este có công thức phân tử là $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$, có khả năng tham gia phản ứng tráng gương. Este đó là:

A/ Etyl axetat

B/ Etyl fomiat

C/ Metyl axetat

D/ Metyl fomiat

Câu 9: Phản ứng thủy phân este trong dung dịch kiềm được gọi là phản ứng

- A/ trùng hợp B/ trùng ngưng
C/ este hóa D/ xà phòng hóa

Câu 10: Có bao nhiêu đồng phân amin bậc hai ứng với công thức phân tử $C_4H_{11}N$?

- | | |
|------|------|
| A/ 2 | B/ 5 |
| C/ 4 | D/ 3 |

Câu 11: Dãy các kim loại nào sau đây được xếp theo chiều giảm dần độ cứng?

- | | |
|---------------|---------------|
| A/ Cs, Sn, Cr | B/ Sn, Cs, Cr |
| C/ Cr, Sn, Cs | D/ Sn, Cr, Cs |

Câu 12: Dung dịch chất nào sau đây làm quỳ tím đổi màu?

- | | |
|--------|--------|
| A/ Ala | B/ Val |
| C/ Gly | D/ Glu |

Câu 13: Dung dịch chất nào sau đây không tác dụng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$?

- A/ Fructozơ
B/ Glixerol
C/ Ancol etylic
D/ Glucozơ

Câu 14: Phản ứng giữa ancol etylic và axit axetic tạo thành sản phẩm có tên gọi là gì?

- A/ Ancol etylat B/ Etyl axetat
C/ Metyl axetat D/ Ancol axetat

Câu 15: Chất nào sau đây có tính bazơ yếu nhất?

- A/ Butan-1-amin B/ Metanamin
C/ Benzenamin D/ Etanamin

Câu 16: Lượng glucozơ cần dùng để điều chế 3,64 gam sobitol với hiệu suất 80% là

- A/ 4,50 gam B/ 3,60 gam
C/ 3,64 gam D/ 2,88 gam

Câu 17: Chất nào sau đây là amin bậc hai?

- A/ $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$ B/ CH_3NHCH_3
C/ $\text{NH}_2\text{CH}_2\text{NH}_2$ D/ $\text{N}(\text{CH}_3)_3$

Câu 18: Thực hiện phản ứng tráng gương glucozơ, thu được

- A/ sobitol
C/ natri gluconat
- B/ amoni gluconat
D/ ancol etylic

Câu 19: $\text{CH}_3\text{-CHNH}_2\text{-COOH}$ có ký hiệu là:

- | | |
|--------|--------|
| A/ Gly | B/ Glu |
| C/ Lys | D/ Ala |

Câu 20: Cho glucozơ lên men thành ancol etylic; dẫn khí cacbonic sinh ra vào nước vôi trong dư, thu 10 gam kết tủa. Khối lượng ancol thu được là:

- A/ 4,60 gam B/ 1,45 gam
C/ 3,20 gam D/ 2,30 gam

Câu 21: Cặp chất nào sau đây là đồng phân của nhau?

- A/ xenlulozơ và saccarozơ B/ xenlulozơ và fructozơ
C/ glucozơ và tinh bột D/ glucozơ và fructozơ

Câu 22: Cation Al^{3+} có số electron là 10. Số electron có trong nguyên tử Al là:

- A/ 3 B/ 7 C/ 10 D/ 13

Câu 23: Polime nào sau đây được tổng hợp bằng phương pháp trùng ngưng?

- A/ Nilon - 6,6 B/ Poli (vinyl clorua)
C/ Poli propilen D/ Poli (metyl metacrylat)

Câu 24: Cho bột Cu lần lượt vào các dung dịch FeCl_3 , FeCl_2 , H_2SO_4 (loãng), HNO_3 (đặc, nóng), AgNO_3 ; số trường hợp có phản ứng xảy ra là:

- A/ 2 B/ 3 C/ 1 D/ 4

Câu 25: Quá trình làm kết tủa protein bằng nhiệt được gọi là

- A/ sự hóa hơi B/ sự đông tụ
C/ sự trùng hợp D/ sự ngưng tụ

Câu 26: Quá trình kết hợp nhiều phân tử nhỏ (monome) thành phân tử lớn (polime) đồng thời giải phóng những phân tử nhỏ khác được gọi là phản ứng

- A/ trùng hợp B/ trùng ngưng
C/ nhiệt phân D/ trao đổi

Câu 27: PVC được tổng hợp từ monome nào sau đây?

- A/ $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{C}_6\text{H}_5$ B/ $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_3$
C/ $\text{CH}_2=\text{CHCl}$ D/ $\text{CH}_2=\text{CH}_2$

Câu 28: Cần 200 ml dung dịch HCl 1M để phản ứng vừa đủ với 50 gam dung dịch amin X nồng độ 12,4%. X có công thức là:

- A/ $\text{C}_3\text{H}_7\text{NH}_2$ B/ CH_3NH_2
C/ $\text{C}_3\text{H}_5\text{NH}_2$ D/ $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$

Câu 29: Glixerol thuộc loại chất nào?

- A/ Ancol đơn chức B/ Este
C/ Ancol đa chức D/ Gluxit

Câu 30: Chất nào sau đây không làm đổi màu giấy quỳ tím?

- A/ $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$ B/ $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$
C/ CH_3NHCH_3 D/ CH_3NH_2

Câu 31: Cho 6,6 gam este đơn chức X tác dụng hết với 150 ml dung dịch NaOH 0,5M, thu được 6,15 gam muối. X có công thức là:

- A/ HCOOC_2H_5 B/ HCOOCH_3
C/ $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ D/ $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$

Câu 32: Để xà phòng hóa 9 gam một este A, cần dùng 150 ml dung dịch NaOH 1M. Công thức phân tử của A là:

- A/ $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ B/ $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$
C/ $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ D/ $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$

Câu 33: Tính chất nào sau đây không phải là tính chất chung của kim loại?

A/ Dẫn điện và nhiệt

B/ Nhiệt độ nóng chảy cao

C/ Ánh kim

D/ Dẻo

Câu 34: Công thức nào sau đây là công thức cấu tạo của glixerol?

A/ $\text{CH}_2\text{OH}-\text{CH}_2\text{OH}$

B/ $\text{CH}_2\text{OH}-\text{CHOH}-\text{CH}_3$

C/ $\text{CH}_3-\text{CHOH}-\text{CHOH}-\text{CH}_2\text{OH}$

D/ $\text{CH}_2\text{OH}-\text{CHOH}-\text{CH}_2\text{OH}$

Câu 35: Cho 3 hóa chất sau: $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOH}$, $\text{H}_3\text{C}-\text{CH}_2-\text{COOH}$, $\text{H}_3\text{C}-\text{CH}_2-\text{NH}_2$. Để nhận ra dung dịch của các chất trên, chỉ cần dùng thuốc thử nào sau đây?

A/ HCl

B/ Quỳ tím

C/ K_2CO_3

D/ KOH

Câu 36: Dung dịch chất nào sau đây không tác dụng $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tạo dung dịch xanh lam?

A/ Saccarozơ

B/ Fructozơ

C/ Xenlulozơ

D/ Glucozơ

Câu 37: Cho bột Fe lần lượt vào các dung dịch FeCl_3 , HCl, H_2SO_4 loãng, CuSO_4 ; số trường hợp tạo thành muối $\text{Fe}(\text{II})$ là:

A/ 2

B/ 3

C/ 4

D/ 1

Câu 38: Tính chất nào sau đây không phải của anilin?

A/ Không làm hồng phenolphthalein

B/ Có tính bazơ

C/ Có lực bazơ yếu hơn amoniac

D/ Làm xanh giấy quỳ tím

Câu 39: Polistiren là polime được trùng hợp từ:

A/ $\text{CH}_2=\text{CHC}_6\text{H}_5$

B/ $\text{CH}_2=\text{CHCH}_3$

C/ $\text{CH}_2=\text{CH}_2$

D/ $\text{CH}_2=\text{CHCl}$

Câu 40: Tính chất nào sau đây không phải của xenlulozơ?

A/ Tan trong nước

B/ Màu trắng

C/ Không có mùi vị

D/ Chất rắn dạng sợi

Cho: $C = 12$; $O = 16$; $H = 1$; $N = 14$; $Cl = 35,5$;
 $Ca = 40$; $Na = 23$; $Fe = 56$; $Mg = 24$; $Al = 27$; $Cu = 64$; $Zn = 65$

- Hết -

Họ và tên học viên:

Số báo danh: Phòng kiểm tra:

Chữ ký học viên:

ĐỀ CHÍNH THỨC

MÃ ĐỀ : 132

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Ngày 21 – 12 – 2011

LỚP 12 – Bổ túc văn hóa

Môn: HÓA HỌC (Buổi tối)

Thời gian làm bài : 60 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề gồm 40 câu trắc nghiệm, mỗi câu 0,25 điểm)

Câu 1: Polietilen là polime được trùng hợp từ monome nào sau đây ?

- A. $\text{CH}_2=\text{CHC}_6\text{H}_5$ B. $\text{CH}_2=\text{CHCH}_3$ C. $\text{CH}_2=\text{CH}_2$ D. $\text{CH}_2=\text{CHCl}$

Câu 2: Cho các cặp gồm 2 kim loại tiếp xúc với nhau, khi xảy ra sự ăn mòn điện hóa học thì cặp nào Fe không bị ăn mòn ?

- A. Fe - Zn B. Fe - Cu C. Fe - Sn D. Fe - Pb

Câu 3: Dung dịch chất nào sau đây không làm quỳ tím đổi màu ?

- A. Alanin B. Axit glutamic C. Etylamin D. Lysin

Câu 4: Hợp chất $\text{H}_2\text{N} - \text{CH}(\text{CH}_3) - \text{COOH}$ có ký hiệu là

- A. Glu B. Lys C. Gly D. Ala

Câu 5: Hai chất là đồng phân của nhau là:

- A. fructozơ và saccarozơ B. saccarozơ và mantozơ
C. fructozơ và mantozơ D. glucozơ và mantozơ

Câu 6: Thủy phân chất X trong môi trường axit đun nóng không thu được glucozơ. Chất X là chất nào sau đây?

- A. protein B. saccarozơ C. tinh bột D. xenlulozơ

Câu 7: Ngâm một lá kẽm trong 200 ml dung dịch CuSO_4 0,1M. Phản ứng xong thấy khối lượng lá kẽm

- A. tăng 0,02 gam B. tăng 0,2 gam C. giảm 0,02 gam D. không thay đổi

Câu 8: Để biến một số dầu thành mỡ rắn hoặc bơ nhân tạo, người ta thực hiện quá trình:

- A. làm lạnh B. xà phòng hóa
C. hiđro hóa (có xúc tác Ni) D. cô cạn ở nhiệt độ cao

Câu 9: Trung hòa 11,8g một amin no đơn chức cần 200ml dung dịch HCl 1M. Công thức phân tử của X là :

- A. $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$ B. $\text{C}_3\text{H}_7\text{N}$ C. CH_5N D. $\text{C}_2\text{H}_7\text{N}$

Câu 10: Este vinyl axetat có công thức là :

- A. $\text{CH}_3\text{COO} - \text{CH}_2 - \text{CH}_3$
C. $\text{CH}_3\text{COOCH} = \text{CH}_2$

- B. $\text{CH}_2 = \text{CH} - \text{COOCH}_3$
D. $\text{CH}_3\text{COOCH}_2\text{CH} = \text{CH}_2$

Câu 11: Hợp chất Y có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$. Khi cho Y tác dụng với dung dịch NaOH sinh ra chất Z có công thức $\text{C}_2\text{H}_3\text{O}_2\text{Na}$. Công thức cấu tạo của Y là:

- A. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOC}_2\text{H}_5$ C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$ D. HCOOC_3H_7

Câu 12: Xà phòng hóa hoàn 11,1 gam hỗn hợp gồm 2 este HCOOC_2H_5 và $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ bằng dung dịch NaOH 1M. Thể tích dung dịch NaOH 1M tối thiểu cần dùng là:

- A. 100ml B. 300ml C. 150ml D. 200ml

Câu 13: Có bao nhiêu đồng phân amino axit có cùng công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_9\text{O}_2\text{N}$?

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 14: Kim loại không phản ứng với dung dịch H_2SO_4 loãng là :

- A. Fe B. Cu C. Zn D. Al

Câu 15: Dãy kim loại nào sau đây đã được xếp theo chiều tăng dần tính khử?

- A. K, Ca, Mg, Al B. Al, Mg, Ca, K C. Ca, K, Mg, Al D. Al, Mg, K, Ca

Câu 16: Cặp chất nào sau đây không phản ứng với nhau?

- A. Ag và dung dịch $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$
B. Fe và dung dịch FeCl_3
C. Cu và dung dịch $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$
D. Dung dịch AgNO_3 và dung dịch $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$

Câu 17: Dung dịch chất nào sau đây làm quỳ tím hoá xanh?

- A. $\text{HOOC}-\text{CH}_2-\text{CH}_2-\text{CH}(\text{NH}_2)-\text{COOH}$ B. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOH}$
C. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}(\text{NH}_2)-\text{COOH}$ D. $\text{CH}_3-\text{CH}_2-\text{COOH}$

Câu 18: Nhóm vật liệu chỉ gồm các polime trùng hợp là

- A. amilozo; nilon -6,6; cao su Buna B. PE; PVC; thủy tinh hữu cơ
C. tơ visco; nilon-6; poli isopren D. PVC; cao su Buna; xenlulozo

Câu 19: Định nghĩa nào sau đây không đúng về chất béo ?

- A. Triaxylglixerol
B. Triglixerit
C. Trieste của glixerol với axit đơn chức có mạch cacbon dài, không phân nhánh
D. Trieste của glixerol và axit không no.

Câu 20: Cation M^+ có cấu hình electron lớp ngoài cùng $2s^2 2p^6$. Vậy kim loại M là :

- A. K B. Na C. Li D. Rb

Câu 21: Cho 4,8g một kim loại R hóa trị II tan hoàn toàn trong dung dịch HNO_3 loãng thu được 1,12 lít khí NO (đktc) là sản phẩm khử duy nhất. Kim loại R là :

- A. Zn B. Mg C. Fe D. Cu

Câu 22: Cho bột sắt dư vào dung dịch HCl, sau đó thêm tiếp vài giọt dung dịch CuSO_4 . Hiện tượng quan sát được là

- A. bột khí dừng thoát ra
- B. dung dịch không chuyển màu
- C. bột khí bay lên ít và chậm hơn lúc đầu.
- D. bột khí bay lên nhanh và nhiều hơn lúc đầu

Câu 23: Cho anilin tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl thu được 38,85 gam muối. Khối lượng anilin đã phản ứng là:

- A. 18,6g
- B. 27,9g
- C. 9,3g
- D. 37,2g

Câu 24: Cho 7,4 gam một este no đơn chức, mạch hở phản ứng vừa hết với 100ml dung dịch NaOH 1M. Tên gọi của este đó là :

- A. propyl fomat
- B. metyl axetat
- C. etyl axetat
- D. metyl fomat

Câu 25: Thủy phân hoàn toàn metyl propionat trong dung dịch NaOH thu được :

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COONa}$ và CH_3OH
- B. CH_3COONa và CH_3OH
- C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COONa}$ và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$
- D. CH_3COONa và $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$

Câu 26: Số đồng phân este ứng với công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$ là :

- A. 3
- B. 4
- C. 1
- D. 2

Câu 27: Cho 0,01 mol amino axit X tác dụng vừa đủ với 80 ml dd HCl 0,125M, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được 1,695 gam muối. Khối lượng mol phân tử của X là

- A. 147
- B. 133
- C. 132
- D. 169,5

Câu 28: Dãy gồm các dung dịch đều tác dụng với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ là :

- A. glucozơ, axit axetic, glixerol.
- B. glucozơ, andehit fomic, natri axetat
- C. glucozơ, glixerol, natri axetat
- D. glucozơ, glixerol, ancol etylic.

Câu 29: Thủy phân bất kỳ chất béo nào trong môi trường axit cũng thu được

- A. glixerol
- B. axit oleic
- C. axit panmitic
- D. xà phòng

Câu 30: Tính chất vật lý nào dưới đây của kim loại không phải do các electron tự do gây ra?

- A. Ánh kim.
- B. Tính dẻo.
- C. Tính cứng.
- D. Tính dẫn điện và nhiệt.

Câu 31: Để chứng minh trong phân tử của glucozơ có nhiều nhóm hidroxy, người ta cho dung dịch glucozơ phản ứng với:

- A. $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở nhiệt độ thường
- B. $\text{Cu}(\text{OH})_2$ trong NaOH, đun nóng
- C. AgNO_3 trong dung dịch NH_3 , đun nóng
- D. Kim loại Na

Câu 32: Cho các chất : NH_3 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, CH_3NHCH_3 , CH_3NH_2 . Chất có tính bazơ mạnh nhất là :

- A. NH_3
- B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$
- C. CH_3NHCH_3
- D. CH_3NH_2

Câu 33: Đun nóng 37,5 gam dung dịch glucozơ với lượng dư AgNO_3 trong dung dịch NH_3 thu được 6,48 gam bạc. Nồng độ % của glucozơ trong dung dịch ban đầu là :

- A. 13,4% B. 14,4% C. 12,4% D. 11,4%

Câu 34: Đun nóng xenlulozơ trong dung dịch axit vô cơ, thu được sản phẩm là:

- A. saccarozơ B. glucozơ C. fructozơ D. mantozơ

Câu 35: Hòa tan hoàn toàn 32,2 gam hỗn hợp gồm Fe, Mg và Zn trong dung dịch HCl dư thấy có 13,44 lít khí H_2 bay ra (đktc). Khối lượng muối tạo ra trong dung dịch là :

- A. 33,4 gam B. 45,64 gam C. 74,8 gam D. 53,5 gam

Câu 36: Tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ, chất béo đều có khả năng tham gia phản ứng :

- A. trùng ngưng B. thủy phân C. hòa tan $\text{Cu}(\text{OH})_2$ D. tráng gương

Câu 37: Chất dẻo PVC được tổng hợp từ monome nào sau đây ?

- A. $\text{CH}_2=\text{CH}_2$ B. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{CH}_3$ C. $\text{CH}_2=\text{CHCl}$ D. $\text{CH}_2=\text{CH}-\text{C}_6\text{H}_5$

Câu 38: Cặp gồm 2 kim loại đều không tan trong dung dịch HNO_3 đặc, nguội là:

- A. Zn, Fe B. Cu, Al C. Ag, Fe D. Fe, Al

Câu 39: Dãy gồm các kim loại được sắp xếp theo chiều giảm dần nhiệt độ nóng chảy là

- A. Hg, Fe, W B. W, Hg, Fe C. Fe, W, Hg D. W, Fe, Hg

Câu 40: Polime nào sau đây được tổng hợp bằng phương pháp trùng ngưng ?

- A. Poli (vinyl clorua) B. Nhựa novolac
C. Protein D. Nilon-6,6

Cho biết nguyên tử khối: C = 12 ; H = 1 ; O = 16 ; N = 14 ; Cl = 35,5 ; Zn = 65 ; Mg = 24 ;
Fe = 56 ; Cu = 64 ; Ag = 108 ; Na = 23

HỌC VIÊN KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG TÀI LIỆU, KÊ CẢ BẢNG TUẦN HOÀN.

----- HẾT -----

Họ và tên học viên: -----
Số báo danh: ----- Phòng kiểm tra: -----
Chữ kí học viên: -----

Câu 14: Dãy kim loại nào sau đây được sắp xếp theo chiều tăng dần của tính khử (từ trái sang phải)?

- A. Ca, K, Mg, Al B. K, Ca, Mg, Al C. Al, Mg, Ca, K D. Al, Mg, K, Ca

Câu 15: Trong số các loại tơ sau:

- (1) $[-NH-(CH_2)_6-NH-OC-(CH_2)_4-CO-]_n$; (2) $[-NH-(CH_2)_5-CO-]_n$; (3) $[C_6H_7O_2(OOC-CH_3)_3]_n$.

Tơ nilon-6,6 là

- A. (3). B. (1). C. (2). D. (1), (2), (3).

Câu 16: Dãy chất nào sau đây đều có phản ứng thủy phân trong môi trường axit?

- A. tinh bột, protein, glucozơ B. tinh bột, fructozơ, xenlulozơ
C. tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ D. tinh bột, fructozơ, glucozơ

Câu 17: Kim loại nào sau đây tác dụng với Cl_2 và HCl chỉ tạo ra một muối?

- A. Fe B. Al C. Cu D. Ag

Câu 18: Cho phản ứng: $aAl + bHNO_3 \longrightarrow cAl(NO_3)_3 + dNO_2 + eH_2O$.

Hệ số a, b, c, d, e là các số nguyên, tối giản. Tổng (a + b) bằng

- A. 6. B. 4. C. 5. D. 7.

Câu 19: Cặp chất **không** xảy ra phản ứng là

- A. $Ag + Cu(NO_3)_2$ B. $Zn + Fe(NO_3)_2$. C. $Fe + Cu(NO_3)_2$. D. $Cu + AgNO_3$.

Câu 20: Cho các dung dịch sau: saccarozơ, glucozơ, andehit axetic, glixerol, ancol etylic, fructozơ. Số lượng dung dịch có thể tham gia phản ứng tráng gương là

- A. 3. B. 2. C. 5. D. 4.

Câu 21: Một este có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ được tạo thành từ ancol etylic và axit nào sau đây?

- A. Axit oxalic B. Axit propanoic C. Axit fomic. D. Axit axetic

Câu 22: Amino axit là những hợp chất hữu cơ, trong phân tử chứa đồng thời nhóm chức và nhóm chức Điền vào chỗ trống còn thiếu là :

- A. Tạp chức, cacbonyl, amino B. Tạp chức, amino, cacboxyl
C. Đơn chức, amino, cacboxyl D. Tạp chức, cacbonyl, hidroxy

Câu 23: Phân biệt xenlulozơ và tinh bột nhờ phản ứng:

- A. Với $AgNO_3/NH_3$ B. Với H_2SO_4 loãng C. Với dung dịch iot D. Cả ba phản ứng trên

Câu 24: Trong các chất sau: axit axetic, glixerol, glucozơ, ancol etylic, xenlulozơ. Số chất hòa tan được $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường là

- A. 5 B. 3 C. 4 D. 1

Câu 25: Chất nào sau đây là polisaccarit?

- A. Glucozơ B. Poli(metyl metacrylat)
C. Fructozơ D. Xenlulozơ

Câu 26: Tính bazơ của các chất tăng dần theo thứ tự:

- A. $C_6H_5NH_2$. < NH_3 < CH_3NHCH_3 . < $CH_3CH_2NH_2$.
B. $C_6H_5NH_2$. < NH_3 < $CH_3CH_2NH_2$ < CH_3NHCH_3 .
C. NH_3 < $C_6H_5NH_2$ < CH_3NHCH_3 < $CH_3CH_2NH_2$.
D. NH_3 < $CH_3CH_2NH_2$ < CH_3NHCH_3 < $C_6H_5NH_2$.

Câu 27: Dãy gồm các chất đều làm giấy quỳ tím ẩm chuyển sang màu xanh là:

- A. amoni clorua, metyl amin, natri hiđroxit. B. anilin, amoniac, natri hiđroxit.
C. anilin, metyl amin, amoniac. D. metyl amin, amoniac, natri axetat.

Câu 28: Chọn phát biểu **sai**

- A. Saccarozo và glucozo đều cho phản ứng tráng bạc và đều có nhóm -CHO
B. Tinh bột và xenlulozo đều có thể cháy khi đốt trong không khí
C. Hồ tinh bột gặp Iot cho màu xanh tím đặc trưng
D. Thủy phân đến cùng tinh bột và xenlulozo trong môi trường axit đều cho glucozo

Câu 29: Ba chất lỏng: C_2H_5OH , CH_3COOH , CH_3NH_2 đựng trong ba lọ riêng biệt. Thuốc thử dùng để phân biệt ba chất trên là

- A. quỳ tím. B. kim loại Na. C. dung dịch Br_2 . D. dung dịch NaOH.

Câu 30: Dãy chất nào sau đây đều có phản ứng tráng gương?

- A. CH_3CHO , glucozơ, HCOOH B. HCOOH , glucozơ, xenlulozơ
C. Glixerol, glucozơ, HCOOH . D. Saccarozơ, CH_3CHO , glixerol

Câu 31: Tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ, mantozơ đều có khả năng tham gia phản ứng

- A. trùng ngưng. B. thủy phân. C. tráng gương. D. hoà tan $\text{Cu}(\text{OH})_2$.

Câu 32: Trong các polime: PE, PVC, polibutadien, poliisopren, amilozơ, amilopectin, xenlulozơ, cao su lưu hóa. Các polime có cấu trúc mạch không nhánh là:

- A. PE, PVC, polibutadien, poliisopren, amilozơ, xenlulozơ.
B. PE, PVC, polibutadien, poliisopren, amilozơ, amilopectin, xenlulozơ.
C. PE, polibutadien, poliisopren, amilozơ, amilopectin, xenlulozơ, cao su lưu hóa
D. PE, PVC, polibutadien, poliisopren, xenlulozơ, cao su lưu hóa

Câu 33: Hoà tan 5,6 gam Fe bằng dung dịch HNO_3 loãng (dư), sinh ra V lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất, ở đktc). Giá trị của V là

- A. 4,48. B. 6,72. C. 2,24. D. 3,36.

Câu 34: Trong các chất sau, chất nào là amin bậc 2?

- A. $\text{H}_2\text{N}-[\text{CH}_2]_6-\text{NH}_2$ B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ C. $\text{CH}_3-\text{NH}-\text{CH}_3$ D. $\text{CH}_3-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{NH}_2$

Câu 35: Có thể gọi tên este $(\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$ là

- A. tristearin B. stearic C. triolein D. Tripanmitin

Câu 36: Đun nóng chất béo cần vừa đủ 40 kg dung dịch NaOH 15%, giả sử phản ứng xảy ra hoàn toàn. Khối lượng (kg) glixerol thu được là

- A. 13,8 B. 6,975 C. 4,6 D. 9,2

Câu 37: Xà phòng hóa 8,8 gam etyl axetat bằng 200 ml dung dịch NaOH 0,2M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được chất rắn khan có khối lượng là

- A. 10,4 gam. B. 8,56 gam. C. 8,2 gam. D. 3,28 gam.

Câu 38: Một hỗn hợp gồm 13 gam kẽm và 5,6 gam sắt tác dụng với dung dịch axit sunfuric loãng dư. Thể tích khí hidro (đktc) được giải phóng sau phản ứng là.

- A. 4,48 lit. B. 67,2 lit C. 2,24 lit. D. 6,72 lit.

Câu 39: Chất X vừa tác dụng được với axit, vừa tác dụng được với bazơ. Chất X là

- A. CH_3COOH . B. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$. C. CH_3CHO . D. CH_3NH_2 .

Câu 40: Đốt cháy hoàn toàn amin no đơn chức X, thu được 16,8 lít CO_2 ; 2,8 lít N_2 (đktc) và 20,25 g H_2O . Công thức phân tử của X là

- A. $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$. B. $\text{C}_3\text{H}_7\text{N}$. C. $\text{C}_2\text{H}_7\text{N}$. D. $\text{C}_4\text{H}_9\text{N}$.

Cho M: $\text{H} = 1$; $\text{C} = 12$; $\text{O} = 16$; $\text{N} = 14$; $\text{Cl} = 35,5$; $\text{Al} = 27$; $\text{Fe} = 56$; $\text{Cu} = 64$;

$\text{Ca} = 40$; $\text{Na} = 23$; $\text{Mg} = 24$; $\text{Zn} = 65$; $\text{Ag} = 108$.

HỌC VIÊN KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG TÀI LIỆU VÀ BẢNG TUẦN HOÀN

----- HẾT -----

(Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm)

Họ và tên học viên : Lớp: Số báo danh :

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Ngày 18 – 12 – 2013

Mã đề: 132

Lớp: 12 – Giáo dục thường xuyên

Môn: HÓA HỌC (Buổi sáng)

Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề kiểm tra có 40 câu, mỗi câu 0,25 điểm)

Cho biết M: H = 1; C = 12; O = 16; N = 14; Cl = 35,5; Al = 27; Fe = 56; Cu = 64; Ca = 40;
Na = 23; Mg = 24; Zn = 65; Ag = 108.

Câu 1: Cho phản ứng: $a\text{Al} + b\text{HNO}_3 \longrightarrow c\text{Al}(\text{NO}_3)_3 + d\text{NO} + e\text{H}_2\text{O}$.

Hệ số a, b, c, d, e là các số nguyên, tối giản. Tổng (a + b) bằng

- A. 7. B. 5. C. 4. D. 6.

Câu 2: Cặp chất **không** xảy ra phản ứng là

- A. $\text{Fe} + \text{Cu}(\text{NO}_3)_2$. B. $\text{Cu} + \text{AgNO}_3$. C. $\text{Zn} + \text{Fe}(\text{NO}_3)_2$. D. $\text{Ag} + \text{Cu}(\text{NO}_3)_2$

Câu 3: Cho dãy các kim loại: Na, Cu, Fe, Ag, Zn. Số kim loại trong dãy phản ứng được với dung dịch HCl là

- A. 2. B. 5. C. 3. D. 4

Câu 4: Hoà tan 5,6 gam Fe bằng dung dịch HNO_3 loãng (dư), sinh ra V lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất, ở đktc). Giá trị của V là

- A. 3,36. B. 4,48. C. 2,24. D. 6,72.

Câu 5: Trong các chất sau, chất nào là amin bậc 2?

- A. $\text{CH}_3\text{-NH-CH}_3$ B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ C. $\text{CH}_3\text{-CH}(\text{CH}_3)\text{-NH}_2$ D. $\text{H}_2\text{N-}[\text{CH}_2]_6\text{-NH}_2$

Câu 6: Cho các polime sau: $(-\text{CH}_2 - \text{CH}_2-)_n$; $(-\text{CH}_2 - \text{CH}=\text{CH}- \text{CH}_2-)_n$; $(-\text{NH}-\text{CH}_2 - \text{CO}-)_n$

Công thức của các monome để khi trùng hợp hoặc trùng ngưng tạo ra các polime trên lần lượt là

A. $\text{CH}_2=\text{CHCl}$, $\text{CH}_3\text{-CH}=\text{CH-CH}_3$, $\text{CH}_3\text{-CH}(\text{NH}_2)\text{-COOH}$.

B. $\text{CH}_2=\text{CH}_2$, $\text{CH}_2=\text{CH-CH}=\text{CH}_2$, $\text{NH}_2\text{-CH}_2\text{-COOH}$.

C. $\text{CH}_2=\text{CH}_2$, $\text{CH}_3\text{-CH}=\text{C}=\text{CH}_2$, $\text{NH}_2\text{-CH}_2\text{-COOH}$.

D. $\text{CH}_2=\text{CH}_2$, $\text{CH}_3\text{-CH}=\text{CH-CH}_3$, $\text{NH}_2\text{-CH}_2\text{-CH}_2\text{-COOH}$

Câu 7: Dãy chất nào sau đây đều có phản ứng tráng gương?

- A. Glixerol, glucozơ, HCOOH . B. Saccarozơ, CH_3CHO , glixerol
C. CH_3CHO , glucozơ, HCOOH D. HCOOH , glucozơ, xenlulozơ

Câu 8: Công thức nào sau đây là của xenlulozơ?

- A. $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_2(\text{OH})_3]_n$. B. $[\text{C}_6\text{H}_5\text{O}_2(\text{OH})_3]_n$ C. $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_3(\text{OH})_3]_n$. D. $[\text{C}_6\text{H}_8\text{O}_2(\text{OH})_3]_n$.

Câu 9: Một hỗn hợp gồm 13 gam kẽm và 5,6 gam sắt tác dụng với dung dịch axit sunfuric loãng dư. Thể tích khí hidro (đktc) được giải phóng sau phản ứng là.

- A. 2,24 lít. B. 67,2 lít C. 4,48 lít. D. 6,72 lít.

Câu 10: Dung dịch của chất nào sau đây **không** làm đổi màu quỳ tím :

- A. Glixin ($\text{CH}_2\text{NH}_2\text{-COOH}$) B. Lysin ($\text{H}_2\text{NCH}_2\text{-}[\text{CH}_2]_3\text{CH}(\text{NH}_2)\text{-COOH}$)
C. Axit glutamic ($\text{HOOCCH}_2\text{CHNH}_2\text{COOH}$) D. Natri phenolat ($\text{C}_6\text{H}_5\text{ONa}$)

Câu 11: Cho các kim loại: Ni, Fe, Cu, Zn; số kim loại tác dụng với dung dịch $\text{Pb}(\text{NO}_3)_2$ là

- A. 2. B. 1. C. 3. D. 4.

Câu 12: Phân tử khối trung bình của PVC là 750000. Hệ số polime hoá của PVC là

- A. 15.000 B. 12.000 C. 24.000 D. 25.000

Câu 13: Đốt cháy hoàn toàn amin no đơn chức X, thu được 16,8 lít CO_2 ; 2,8 lít N_2 (đktc) và 20,25 g H_2O . Công thức phân tử của X là

- A. $\text{C}_4\text{H}_9\text{N}$. B. $\text{C}_3\text{H}_7\text{N}$. C. $\text{C}_2\text{H}_7\text{N}$. D. $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$.

- Câu 31:** Trong phân tử este (X) no, đơn chức, mạch hở có thành phần oxi chiếm 36,36 % khối lượng. Số đồng phân cấu tạo của X là
 A. 3. B. 4. C. 2. D. 5
- Câu 32:** Cho các dung dịch sau: saccarozơ, glucozơ, andehit axetic, glixerol, ancol etylic, fructozơ. Số lượng dung dịch có thể tham gia phản ứng tráng gương là
 A. 3. B. 4. C. 5. D. 2.
- Câu 33:** Trong các chất sau: axit axetic, glixerol, glucozơ, ancol etylic, xenlulozơ. Số chất hòa tan được $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở nhiệt độ thường là
 A. 1 B. 5 C. 4 D. 3
- Câu 34:** Cho các chất: etyl axetat, anilin, ancol etylic, axit acrylic, phenol, phenylamoni clorua, ancol benzylic. Trong các chất này, số chất tác dụng được với dung dịch NaOH là
 A. 6. B. 4. C. 5. D. 3.
- Câu 35:** Trong số các loại tơ sau:
 (1) $[-\text{NH}-(\text{CH}_2)_6-\text{NH}-\text{OC}-(\text{CH}_2)_4-\text{CO}-]_n$, (2) $[-\text{NH}-(\text{CH}_2)_5-\text{CO}-]_n$, (3) $[\text{C}_6\text{H}_7\text{O}_2(\text{OOC}-\text{CH}_3)_3]_n$.
 Tơ nilon-6,6 là
 A. (1), (2), (3). B. (1). C. (2). D. (3).
- Câu 36:** Xà phòng hóa 8,8 gam etyl axetat bằng 200 ml dung dịch NaOH 0,2M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được chất rắn khan có khối lượng là
 A. 8,56 gam. B. 8,2 gam. C. 3,28 gam. D. 10,4 gam.
- Câu 37:** Chọn phát biểu sai
 A. Thủy phân đến cùng tinh bột và xenlulozo trong môi trường axit đều cho glucozo
 B. Hồ tinh bột gặp iot cho màu xanh tím đặc trưng
 C. Saccarozo và glucozo đều cho phản ứng tráng bạc và đều có nhóm -CHO
 D. Tinh bột và xenlulozo đều có thể cháy khi đốt trong không khí
- Câu 38:** Cho 7,5 gam axit aminoaxetic ($\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOH}$) phản ứng hết với dung dịch NaOH. Sau phản ứng, khối lượng muối thu được là
 A. 9,9 gam. B. 7,9 gam. C. 9,7 gam. D. 9,8 gam.
- Câu 39:** Đun nóng dung dịch chứa 27 gam glucozơ với AgNO_3 trong dung dịch NH_3 (dư) thì khối lượng Ag tối đa thu được là
 A. 32,4 gam. B. 21,6 gam. C. 10,8 gam. D. 16,2 gam.
- Câu 40:** Để chứng minh amino axit là hợp chất lưỡng tính ta có thể dùng phản ứng của chất này lần lượt với
 A. dung dịch KOH và dung dịch HCl. B. dung dịch NaOH và dung dịch NH_3 .
 C. dung dịch HCl và dung dịch Na_2SO_4 . D. dung dịch KOH và CuO.

HỌC VIÊN KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG TÀI LIỆU
(Kể cả Bảng tuần hoàn) !

----- HẾT -----

Họ và tên học viên : Lớp :

Số báo danh : Phòng: Chữ ký học viên:

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Ngày 17 – 12 – 2014

Mã đề: 485

Lớp 12 – Giáo dục thường xuyên

Môn: HÓA HỌC (Buổi sáng)

Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề kiểm tra có 40 câu, mỗi câu 0,25 điểm)

Cho: H = 1; He = 4; C = 12; O = 16; N = 14; Cl = 35,5; Al = 27; Fe = 56; Cu = 64; Ca = 40; Na = 23; Mg = 24; Zn = 65; Ag = 108.

Câu 1: Cho 8,55 gam hỗn hợp saccarozơ có lẫn mantozơ phản ứng hoàn toàn $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ dư, thu được 0,108 gam bạc. Tính độ tinh khiết của saccarozơ.

- A. 89% B. 98% C. 85% D. 2%

Câu 2: Đồ nhựa dùng lâu ngày thường bị biến màu và trở nên giòn là do

- A. Sự lên men polime B. Sự đông tụ polime
C. Sự thủy phân polime D. Sự lão hóa polime

Câu 3: Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp X gồm ba amin đồng đẳng bằng một lượng không khí vừa đủ, thu được 5,376 lít CO_2 , 7,56 gam H_2O và 41,664 lít N_2 (các thể tích khí đo ở đktc, trong không khí oxi chiếm 20%, nitơ chiếm 80% về thể tích). Giá trị của m là:

- A. 5,40 gam B. 8,10 gam C. 4,05 gam D. 10,80 gam

Câu 4: Este nào sau đây có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$?

- A. Propyl axetat B. Phenyl axetat C. Vinyl axetat D. Etyl axetat

Câu 5: Sản phẩm cuối cùng của quá trình thủy phân các protein đơn giản nhờ chất xúc tác thích hợp là

- A. β -aminoaxit. B. α -aminoaxit. C. axit cacboxylic. D. este.

Câu 6: Saccarozơ có thể tác dụng với các chất:

- A. H_2/Ni ; $\text{CH}_3\text{COOH}/\text{H}_2\text{SO}_4$ đặc, t° B. $\text{Cu}(\text{OH})_2$; $(\text{CH}_3\text{CO})_2\text{O}/\text{H}_2\text{SO}_4$ đặc, t°
C. $\text{Cu}(\text{OH})_2$; dd $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$. D. H_2/Ni , t° ; $\text{Cu}(\text{OH})_2$

Câu 7: Đặc điểm nào sau đây không phải của glucozơ:

- A. Có mạch cacbon phân nhánh.
B. Có 5 nhóm – OH ở 5 nguyên tử cacbon kế cận.
C. Có khả năng tạo este có chứa 5 gốc axit.
D. Có phản ứng tráng gương do có nhóm – CHO.

Câu 8: Hàm lượng glucozơ không đổi trong máu người là bao nhiêu phần trăm?

- A. 0,1 B. 0,0001 C. 0,01 D. 1,0

Câu 9: Cho 5,6 gam Fe tác dụng với oxi thu được 7,52 gam hỗn hợp rắn X. Cho hỗn hợp rắn X tác dụng với dung dịch HNO_3 (dư), thu được V lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất, ở đktc). Giá trị của V là

- A. 4,480 B. 0,224 C. 2,240 D. 0,448

Câu 10: Cho 1,52 gam hỗn hợp hai amin đơn chức no (được trộn với số mol bằng nhau) tác dụng vừa đủ với 200ml dung dịch HCl, thu được 2,98 gam muối. Kết quả nào sau đây không chính xác?

- A. Công thức của hai amin là CH_5N và $\text{C}_2\text{H}_7\text{N}$.
B. Số mol mỗi amin là 0,02 mol.
C. Nồng độ mol dung dịch HCl bằng 0,2 M.
D. Ứng với CTPT của 2 amin tìm được chỉ có 2 đồng phân.

- Câu 11:** Cho dãy các kim loại: Ag, Cu, Al, Mg. Kim loại trong dãy có tính khử yếu nhất là
 A. Cu. B. Al. C. Ag. D. Mg.
- Câu 12:** Bradikinin có tác dụng làm giảm huyết áp. Đó là một nonapeptit có công thức là: Arg-Pro-Pro-Gly-Phe-Ser-Pro-Phe-Arg. Khi thủy phân không hoàn toàn peptit này có thể thu được bao nhiêu tripeptit có chứa phenylalanin (Phe)?
 A. 2 B. 3 C. 5 D. 6
- Câu 13:** Cho dãy các chất: phenol, anilin, phenylamoni clorua, natri phenolat, etanol. Số chất trong dãy phản ứng được với NaOH là
 A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.
- Câu 14:** Có bao nhiêu chất đồng phân cấu tạo của nhau có công thức phân tử $C_4H_8O_2$ đều tác dụng với NaOH?
 A. 6. B. 5. C. 8. D. 4.
- Câu 15:** Cho Fe vào dung dịch HNO_3 loãng, dư. Sau khi phản ứng kết thúc thu được dung dịch Y. Dung dịch Y chứa
 A. $Fe(NO_3)_3$ và $Fe(NO_3)_2$ B. $Fe(NO_3)_3$
 C. $Fe(NO_3)_2$ D. $Fe(NO_3)_3$ và HNO_3
- Câu 16:** Đốt cháy 4,5 gam một amin đơn chức giải phóng 1,12 lit N_2 (đktc). CTPT của amin đó là :
 A. C_3H_7N B. C_2H_7N C. CH_5N D. C_3H_9N
- Câu 17:** Một mắt xích của polime X gồm C, H. Hệ số polime hóa của polime này là 300 và có phân tử khối là 16200 (đvC). Mắt xích của polime X là :
 A. $-CH_2-CHCl-$ B. $-CH_2-CH=CH-CH_2-$
 C. $-CH_2-CH-CH_2-$ D. $-CH_2-CH_2-$
- Câu 18:** Một este đơn chức no có 54,55 % C trong phân tử. Công thức phân tử của este có thể là:
 A. $C_4H_6O_2$ B. $C_3H_6O_2$ C. $C_4H_8O_2$ D. $C_3H_4O_2$
- Câu 19:** Để phân biệt 3 dung dịch: anilin, lysin, axit glutamic chỉ cần dùng một thuốc thử là
 A. quỳ tím. B. dung dịch Br_2 . C. $Cu(OH)_2$. D. dung dịch NaOH.
- Câu 20:** Khi nhiệt độ tăng, độ dẫn điện của kim loại
 A. giảm B. Có thể tăng hoặc giảm C. không đổi D. tăng
- Câu 21:** Hợp chất hoặc cặp hợp chất nào dưới đây **không thể** tham gia phản ứng trùng ngưng?
 A. Axit ϵ -aminocaproic. B. Buta-1,3-đien và stiren.
 C. Phenol và fomadehit. D. Hexameten diamin và axit adipic.
- Câu 22:** Trùng ngưng 7,50 gam axit amino axetic với hiệu suất 80%, ngoài amino axit dư người ta thu được m gam polime và 1,44 gam nước. Giá trị của m là
 A. 5,25 B. 4,56 C. 4,25 D. 5,56
- Câu 23:** Nhận xét nào sau đây không đúng?
 A. Các amin đều có thể kết hợp với proton
 B. Metylamin có tính bazơ mạnh hơn anilin
 C. Tính bazơ của các amin đều mạnh hơn NH_3
 D. Công thức tổng quát của các amin no, mạch hở là $C_nH_{2n+2+k}N_k$
- Câu 24:** Cặp chất không xảy ra phản ứng hoá học là
 A. dd $Fe(NO_3)_2$ + dd $AgNO_3$. B. Cu + dd $FeCl_2$. C. Fe + dd $FeCl_3$. D. Cu + dd $FeCl_3$
- Câu 25:** Propyl fomat được điều chế từ
 A. axit axetic và ancol propylic. B. axit fomic và ancol propylic.
 C. axit fomic và ancol metylic. D. axit propionic và ancol metylic
- Câu 26:** Hợp chất X có công thức cấu tạo: $CH_3CH_2COOCH_3$. Tên gọi của X là:
 A. metyl propionat. B. etyl axetat. C. metyl axetat. D. propyl axetat.

Câu 27: Polime X là chất rắn trong suốt, có khả năng cho ánh sáng truyền qua tốt nên được dùng chế tạo thủy tinh hữu cơ plexiglas. Tên gọi của X là

- A. polietilen
B. poli(metyl metacrylat)
C. poli(acrilonitrin)
D. poli(vinyl clorua)

Câu 28: Cho 10 gam hỗn hợp gồm Fe và Cu tác dụng với dd H_2SO_4 loãng (dư). Sau phản ứng thu được 2,24 lít khí hydro (ở đktc), dd X và m gam chất rắn không tan. Giá trị của m là

- A. 6,4 gam.
B. 5,6 gam.
C. 4,4 gam.
D. 3,4 gam.

Câu 29: Công thức tổng quát của este tạo bởi axit no đơn mạch hở và ancol no đơn mạch hở có dạng

- A. $\text{C}_n\text{H}_{2n+2}\text{O}_2$ ($n \geq 2$).
B. $\text{C}_n\text{H}_{2n-2}\text{O}_2$ ($n \geq 4$).
C. $\text{C}_n\text{H}_{2n}\text{O}_2$ ($n \geq 2$).
D. $\text{C}_n\text{H}_{2n}\text{O}_2$ ($n \geq 3$).

Câu 30: Chọn câu nói đúng:

- A. Xenlulozơ và tinh bột có khối lượng phân tử nhỏ.
B. Xenlulozơ và tinh bột có phân tử khối bằng nhau.
C. Xenlulozơ có phân tử khối nhỏ hơn tinh bột.
D. Xenlulozơ có phân tử khối lớn hơn nhiều so với tinh bột.

Câu 31: Hỗn hợp A gồm 2 este đơn chức no, đồng phân. Khi trộn 0,15 mol hỗn hợp A với O_2 vừa đủ rồi đốt cháy thu được 0,9 mol hỗn hợp sản phẩm gồm CO_2 và hơi nước. CTPT của 2 este là

- A. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$
B. $\text{C}_3\text{H}_8\text{O}_2$
C. $\text{C}_5\text{H}_{10}\text{O}_2$
D. $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$

Câu 32: Cho các polime sau: polietilen (1); poli(vinyl clorua) (2); cao su Buna (3); polistiren (4); amilozơ (5); amilopectin (6); xenlulozơ (7); tơ capron (8); nhựa bakelit (9). Các polime có cấu trúc mạch **KHÔNG** phân nhánh gồm

- A. (1); (2); (3); (4); (5); (7); (8)
B. (1); (2); (4); (5); (6); (7); (8)
C. (1); (2); (3); (5); (7); (8); (9)
D. (1); (3); (4); (5); (7); (8); (9)

Câu 33: Thủy phân este X trong môi trường kiềm, thu được natri axetat và ancol etylic. Công thức của X là:

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$
B. $\text{C}_2\text{H}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$
C. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$
D. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$

Câu 34: Kim loại phản ứng với dd H_2SO_4 loãng là

- A. Ag.
B. Au.
C. Mg.
D. Cu.

Câu 35: X là một α - amino axit no chỉ chứa 1 nhóm $-\text{NH}_2$ và 1 nhóm $-\text{COOH}$. Cho 15,1 gam X tác dụng với HCl dư thu được 18,75 gam muối. Công thức cấu tạo của X là

- A. $\text{C}_3\text{H}_7-\text{CH}(\text{NH}_2)-\text{COOH}$
B. $\text{CH}_3-\text{CH}(\text{NH}_2)-\text{COOH}$
C. $\text{CH}_3-\text{CH}(\text{NH}_2)-\text{CH}_2-\text{COOH}$
D. $\text{C}_6\text{H}_5-\text{CH}(\text{NH}_2)-\text{COOH}$

Câu 36: Đun nóng este $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$ với một lượng vừa đủ dung dịch NaOH, sản phẩm thu được là

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COONa}$ và CH_3OH .
B. $\text{CH}_2=\text{CHCOONa}$ và CH_3OH .
C. CH_3COONa và CH_3CHO .
D. CH_3COONa và $\text{CH}_2=\text{CHOH}$.

Câu 37: 5,88 gam hỗn hợp A gồm 2 este có CTPT $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ và $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$ tác dụng vừa đủ với NaOH. Phản ứng kết thúc, thu được m gam hỗn hợp hai muối và 3,22 gam ancol X duy nhất. X có tỉ khối hơi so với heli là 11,5. Tính giá trị m

- A. 2,8
B. 4,76
C. 6,44
D. 5,46

Câu 38: Tripeptit là hợp chất

- A. Có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit giống nhau.
B. Có liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc amino axit khác nhau.
C. Có 2 liên kết peptit mà phân tử có 3 gốc α -amino axit.
D. Mà mỗi phân tử có 3 liên kết peptit.

Câu 39: Có những tính chất vật lý như: (1) Tính dẻo (2) Tính cứng (3) Tính dẫn điện (4) Tính dẫn nhiệt (5) Tỉ khối (6) Ánh kim (7) Nhiệt độ nóng chảy. Tính chất vật lý chung của kim loại là

A. 1, 3, 7

B. 2, 3, 4, 6

C. 2, 5, 7

D. 1, 3, 4, 6

Câu 40: Cho các ion kim loại: Zn^{2+} , Sn^{2+} , Ni^{2+} , Fe^{2+} , Pb^{2+} . Thứ tự tính oxi hóa giảm dần của các ion kim loại đó là

A. $\text{Pb}^{2+} > \text{Sn}^{2+} > \text{Ni}^{2+} > \text{Fe}^{2+} > \text{Zn}^{2+}$

B. $\text{Sn}^{2+} > \text{Ni}^{2+} > \text{Zn}^{2+} > \text{Pb}^{2+} > \text{Fe}^{2+}$

C. $\text{Zn}^{2+} > \text{Sn}^{2+} > \text{Ni}^{2+} > \text{Fe}^{2+} > \text{Pb}^{2+}$

D. $\text{Pb}^{2+} > \text{Sn}^{2+} > \text{Fe}^{2+} > \text{Ni}^{2+} > \text{Zn}^{2+}$

HỌC VIÊN KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG TÀI LIỆU !

----- HẾT -----

Họ và tên học viên : Lớp :

Số báo danh : Phòng: Chữ ký học viên: